

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	21
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng	24
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	26
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	31
Tiêu chí 1.5: Lớp học	34
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	36
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	39
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	42
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	45
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	50

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	52
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	55
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	58
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	64
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	65
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	68
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị	70
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	73
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	75
Tiêu chí 3.6: Thư viện	78
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	80
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	81
Mở đầu	81
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	81

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, nhân của nhà trường	84
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	87
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	88
Mở đầu	88
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	88
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	91
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	94
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	96
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	98
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	101
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	107
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	108
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		

Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X		

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I.**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Bà Điểm 3

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân Quận 12

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	12
Xã / phường/thị trấn	Tân Thới Nhất
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996
Công lập	X
Tư thục	Không
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên Hiệu trưởng	Trịnh Hữu Đức
Điện thoại	028 38833449
Fax	Không
Website	thcsnguyenvinhnghiep.hcm.edu.vn
Số điểm trường	01 điểm chính
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 6	08	08	08	08	07
Khối lớp 7	08	07	08	07	08
Khối lớp 8	07	08	07	08	07
Khối lớp 9	07	07	07	07	008
Cộng	30	30	30	30	30

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	20	20	20	20	20	
1	Phòng học	15	15	15	15	15	
a	Phòng kiên cố	15	15	15	15	15	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01 năm 2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	01	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	02	00	
Giáo viên	55	39	01	06	49	01	Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc Hội.
Nhân viên	11	06	02	00	04	00	
Cộng	69	46	03	06	56	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020
1	Tổng số giáo viên	58	56	57	57	55
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,93	1,86	1,90	1,90	1,83

3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,044	0,041	0,043	0,046	0,047
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	04	00	06	00	04
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung:

T	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
	Tổng số học sinh	1320	1367	1326	1251	1183	
	- Nữ	645	665	653	615	596	
	- Dân tộc thiểu	18	25	29	18	30	

1	số						
	- Khối lớp 6	360	334	321	329	290	
	- Khối lớp 7	344	325	351	294	305	
	- Khối lớp 8	302	314	311	332	269	
	- Khối lớp 9	314	394	343	296	319	
2	Tổng số tuyển mới	360	334	321	329	290	
3	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
4	Bán trú	00	00	00	00	00	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	44,00	45,57	44,20	41,70	39,43	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1320 100%	1367 100%	1326 100%	1251 100%	1183 100%	
	- Nữ	645 48.86%	665 48.65%	653 49.20%	615 49.16%	596 50.38%	
	- Dân tộc thiểu số	18 1,36%	25 1,82%	29 2,20%	18 1,50%	30 2,40%	
	Tổng số học sinh giỏi cấp	07	00	09	09	28	

8	huyện/tỉnh (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	00	00	00	02	00	
	- Nữ	00	00	00	02	00	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	02	00	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	02	02	04	02	05	
12	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	32,20%	34,53%	30,20%	31,10%	38,80%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	38,80%	37,02%	37,20%	36,50%	34,3%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	6,00%	5,26%	4,90%	5,20%	4,5%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	89,00%	93,27%	92,60%	92,80%	93,70%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	11%	6,73%	7,20%	7,20%	6,30%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	00%	00%	00%	00%	00%	

Phần II.

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp tọa lạc tại số 51/5B, Lạc Quang, khu phố 2, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Trước năm 1975, là trường tư thục Đồng Tâm thuộc giáo xứ Lạc Quang, do Linh mục Trần Minh Thực làm Hiệu trưởng. Sau năm 1975, do Nhà nước quản lý và đổi tên thành trường phổ thông cấp 1, 2 Tân Thới Nhất. Trường được xây dựng lại từ tháng 01 năm 1996 và đưa vào sử dụng vào tháng 10 năm 1996. Trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bà Điểm 3 theo Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 27 tháng 03 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn. Năm 1997, khi tách huyện Hóc Môn để thành lập Quận 12, Trường Trung học cơ sở Bà Điểm 3 trực thuộc UBND Quận 12 quản lý, cùng với 18 trường khác trong Quận 12, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Quận 12.

Diện tích khuôn viên trường: 1.769,4m²; thuộc thửa 251-1, tờ bản đồ thứ 1, số 13667/ĐDBĐ-CNQ12 ngày 17 tháng 01 năm 2004. Diện tích xây dựng: gồm 02 dãy nhà 3 tầng và 01 dãy nhà trệt; có tất cả 15 phòng học, 2 phòng học bộ môn, và 12 phòng chức năng; tổng diện tích xây dựng 1.979,3m². Phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh nghe, nói, nhìn (amply, micro, máy chiếu, tivi); 1 phòng tin học 48 máy đáp ứng yêu cầu học thực hành của học sinh; 1 phòng thực hành Lý - Hóa - Sinh, 3 phòng chuẩn bị thực hành, 1 phòng thiết bị; 1 phòng thư viện, 1 phòng y tế, 4 phòng vệ sinh giáo viên và học sinh được sửa chữa mới, gọn gàng, sạch sẽ, thoáng mát. Có hệ thống đường truyền cáp quang internet phủ sóng Wifi toàn khuôn viên trường, với 60 máy tính kết nối mạng internet, 10 laptop, đáp ứng yêu cầu sử

dụng công nghệ thông tin vào dạy và học của giáo viên, học sinh. Nhà trường luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Quận ủy - Ủy ban Nhân dân Quận 12, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân phường Tân Thới Nhất. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chính trị chung. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần gương mẫu, ý thức trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể chính trị trong nhà trường hoạt động tốt, hỗ trợ tốt cho mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn phát huy cao vai trò lãnh đạo của Cấp ủy, chi bộ, nâng cao ý thức gương mẫu, tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt; cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong công tác phối hợp giáo dục đạo đức học sinh.

Trong quá trình hình thành và phát triển, với những việc làm năng động, sáng tạo và đầy trách nhiệm, ngay từ năm học đầu tiên cho đến nay, nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, năm học 2019 – 2020 nhận bằng khen hoàn thành xuất nhiệm vụ hai năm liên tục của Ủy ban Nhân dân Thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình phổ thông; đồng thời với xu hướng hội nhập quốc tế, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức, nhà trường thường xuyên triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và trình

độ đào tạo nhằm tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục. Với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, đảm bảo các tiêu chí của trường học tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế, nhà trường phổ thông cần xác định cụ thể những tiêu chí về chất lượng giáo dục cần đạt. Thực hiện theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và công văn Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định. Đây là bước khởi đầu quan trọng để nhà trường định hướng những vấn đề cần thiết trên con đường xây dựng nhà trường trở thành một ngôi trường giáo dục tiên tiến, phát huy tốt năng lực tư duy sáng tạo của giáo viên và học sinh.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, nhìn ra những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản lý, chỉ đạo của cán bộ quản lý, chất lượng hiệu quả hoạt động từng người, từng bộ phận, đoàn thể. Từ đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, để thông báo công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

3.1. Quá trình tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 10 năm 2020 và hoàn thành vào giữa tháng 1 năm 2021 căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 17 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Ngoài ra, hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình tự đánh giá. Các thành viên của hội đồng tự đánh giá luôn nghiên cứu kỹ lưỡng các văn bản pháp lý về mục đích, nội dung, phương pháp để có được nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá. Các thành viên trong hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định và đúng tiến độ thời gian.

Để triển khai công tác tự đánh giá được tiến hành có hiệu quả, Hiệu trưởng ra Quyết định số 119/QĐ-NVN ngày 29 tháng 10 năm 2020 Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp; danh sách thành viên nhóm thư ký; thành viên các nhóm công tác. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch số 120/KH-NVN ngày 29 tháng 10 năm 2020 Kế hoạch tự đánh giá của nhà trường, xác định rõ mục đích tự đánh giá, phạm vi tự đánh giá, công cụ tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện liên quan khác, thời điểm cần huy động; nội dung công việc, thời gian tiến hành từng công việc và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Qua đó tất cả các hoạt động diễn ra khoa học, thuận lợi, đúng dự kiến và đạt hiệu quả cao.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình đã được quy định như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá (29/10/2020).
2. Lập kế hoạch tự đánh giá (29/10/2020).

3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng (02/11/2019 đến 21/11/2020).

4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (23/11/2020 đến 28/11/2020).

5. Viết báo cáo tự đánh giá (từ 30/11/2020 đến 19/12/2020).

6. Công bố báo cáo tự đánh giá (21/12/2020 đến 26/12/2020).

7. Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo (28/12/2020 đến 02/01/2021)

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí được nêu đầy đủ, cụ thể các minh chứng đều mô tả hiện trạng rõ ràng, nêu rõ các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, trình bày kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu, báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng giáo dục chung của nhà trường. Hội đồng tự đánh giá mong rằng, sau quá trình tự đánh giá, nhà trường có nhiều biện pháp hiệu quả hơn trong công tác quản lý để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm học tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những yếu tố quan trọng quyết định mức độ phát triển và thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp đã xây dựng được cơ

cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học) và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường có đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Trường tiếp nhận học sinh trong độ tuổi trên địa bàn, có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, được biên chế thành 30 lớp (từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020), bình quân từ 40 học sinh một lớp. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại các bộ phận thường xuyên, kịp thời, chính xác có tác dụng thúc đẩy, nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động.

Kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, chú trọng chất lượng dạy và học, thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, thẩm mỹ cho học sinh. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025.

Cấp ủy chi bộ lãnh đạo nhà trường hoạt động theo đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và được sự quan tâm, hỗ trợ của các lực lượng xã hội để làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong và ngoài nhà trường.

Việc phát động các phong trào thi đua, công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại từng cá nhân, các bộ phận, quản lý tài chính tài sản, quản lý việc dạy học được thực hiện thường xuyên, công khai, chính xác có tác dụng thúc đẩy, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của các lực lượng xã hội đóng góp xây dựng phát triển nhà trường. Sử dụng hợp lý các nguồn thu nhằm bổ sung, trang bị nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, quản lý công tác hành chính, phong trào thi đua phục vụ tốt cho các hoạt động phát triển toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường (hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 được Hội đồng trường thảo luận, thống nhất thể hiện rõ thực trạng, những thành tựu đạt được, cơ hội, thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2015 – 2020 và định hướng đến năm 2025; phù hợp mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Tân Thới Nhất và của Đảng bộ Quận 12 theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của trường, từ đó nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1.01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, và trang thông tin điện tử của trường www.thcsnguyenvinhnghiep.hcm.edu.vn [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng phân công Phó hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học; các tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, đánh giá, báo cáo và đề xuất những giải pháp thực hiện kế hoạch từng học kỳ, từng năm học. Hiệu trưởng tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong Hội đồng sư phạm nhà trường việc thực hiện kế hoạch từng học kỳ, từng năm học, được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học từng năm học [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ hằng năm có tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ phía học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 phù hợp mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Tân Thới Nhất và của Đảng bộ Quận 12 theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của trường.

3. Điểm yếu

Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020 chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ phía học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng phân công các Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn cập nhật các văn bản chỉ đạo, tình hình thực tế của địa phương; tổ chức tiếp nhận ý kiến đóng góp bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường từ phía cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, và cộng đồng trong buổi họp cuối năm học. Chủ tịch Hội đồng trường tổ chức điều chỉnh, bổ sung kịp thời phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường vào cuối tháng 5 hằng năm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao, chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2016 – 2021 được Phòng Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định công nhận số 162/QĐ-GDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, Hội đồng trường có 13 thành viên gồm: Hiệu trưởng làm Chủ tịch, 02 Phó hiệu trưởng, 08 Tổ trưởng chuyên môn và 01 Tổ trưởng văn phòng, thư ký, Chủ tịch Công đoàn và Bí thư Chi đoàn [H2-1.2-01].

Hiệu trưởng ban hành các quyết định thành lập các Hội đồng khác theo quy định của điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng Tư vấn về chuyên môn, quản lý nhà trường; Hội đồng tuyển sinh lớp 6, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở, Hội đồng chăm sóc kiến,... giúp các hoạt động trường diễn ra xuyên suốt và hiệu quả [H2-1.2-02].

b) Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng điều 20 của Điều lệ trường trung học cơ sở. Các thành viên trong Hội đồng

trường có sự phân công cụ thể, rõ ràng, làm việc có trách nhiệm, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường, các thành viên trong Hội đồng trường có chức năng tham mưu, tư vấn nhằm hỗ trợ cho Hiệu trưởng hoạch định các kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đúng theo tình hình thực tế, các hội đồng khác cũng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng theo quy định của điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-1.2-01]; [H2-1.2-02].

c) Hoạt động của Hội đồng trường có định kỳ tổ chức họp vào đầu năm học để rà soát, đánh giá kết quả những mặt làm được, chưa làm được và bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế, đưa ra các giải pháp thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường [H2-1.1-02].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, Hội đồng trường đã góp ý, tư vấn và giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động của trường và đề ra các biện pháp để cải thiện các chỉ tiêu năm học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, tuy nhiên còn một số thành viên của hội đồng làm việc thiếu đồng bộ, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có nhiều đóng góp ý kiến, tư vấn cho Hiệu trưởng các giải pháp để cải thiện có hiệu quả các chỉ tiêu năm học [H2-1.1-02]; [H2-1.1-03]; [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; có sự phân công cụ thể, rõ ràng, làm việc có trách nhiệm, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường.

Hoạt động của các Hội đồng có định kỳ tổ chức họp, thực hiện tốt chức năng tham mưu, tư vấn nhằm hỗ trợ cho Hiệu trưởng hoạch định các kế hoạch

chiến lược phát triển nhà trường đúng theo tình hình thực tế, đưa ra được các giải pháp thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn một số thành viên của hội đồng làm việc thiếu đồng bộ, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có nhiều đóng góp ý kiến, tư vấn cho Hiệu trưởng các giải pháp để cải thiện có hiệu quả các chỉ tiêu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Chủ tịch hội đồng trường củng cố, kiện toàn lại hội đồng trường và các Hội đồng khác. Quán triệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường và các Hội đồng khác theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng trường và các Hội đồng khác; Chủ tịch Hội đồng rà soát điều chỉnh bổ sung quy chế làm việc, xây dựng các giải pháp phù hợp, phát huy hơn tính chủ động phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận để mang lại hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội trường được thành lập theo cơ cấu tổ chức theo quy định, năm học 2019 – 2020, Công đoàn cơ sở có 70 công đoàn viên; Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2017 – 2022 đã bầu ra Ban Chấp hành Công đoàn gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 ủy viên, Chi đoàn có 9 đoàn viên, Ban Chấp hành Chi đoàn gồm 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 01 ủy viên, Liên đội Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp có 1183 đội viên; 30 Chi đội và 01 Ban chỉ huy liên đội, đến năm học 2020 - 2021, nhà trường có 1180 đội viên và 30 Chi đội, Hội chữ thập đỏ nhà trường có 69 hội viên trong đó có 01 trưởng ban là Hiệu trưởng, 01 nhân viên y tế chuyên trách, ngoài các đoàn thể, nhà trường còn có Chi hội Khuyến học có cơ cấu tổ chức theo quy định [H3-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H3-1.3-03]; [H3-1.3-04]; [H3-1.3-05].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học theo các quy định hiện hành, các đoàn thể và tổ chức có lập kế hoạch hoạt động hằng năm, hằng tháng và sinh hoạt theo định kỳ; góp phần cùng với nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, giúp nhà trường thực hiện đúng mục tiêu giáo dục đã đề ra, cụ thể Công đoàn nhà

trường hoạt động theo điều lệ và quy định của Pháp luật, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ và công khai của nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công đoàn viên; động viên, khuyến khích công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng Chi đoàn hoạt động theo điều lệ và quy định của Pháp luật, có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo hướng dẫn của đoàn phường Tân Thới Nhất; các hoạt động của chi đoàn góp phần tích cực trong các hoạt động của nhà trường Liên đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo điều lệ đội và quy định của Pháp luật; có xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch tháng; tổ chức các hoạt động phong trào góp phần giúp học sinh phát triển toàn diện [H3-1.3-04]; [H3-1.3-06]; [H3-1.3-07]; [H3-1.3-08]; [H3-1.3-09].

c) Hằng tháng, hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, các tổ chức tiến hành họp định kỳ, rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục đã thực hiện đồng thời đề xuất giải pháp khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót trong tháng trước và triển khai nhiệm vụ công tác của tháng sau; tham mưu với lãnh đạo đơn vị, vận động các thành viên thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường [H3-1.3-07]; [H3-1.3-08]; [H3-1.3-09].

Cuối mỗi năm học, các tổ chức, các đoàn thể trong nhà trường đều được kiểm tra và đánh giá các hoạt động và đạt kết quả cao [H3-1.3-10].

Mức 2:

a) Nhà trường có chi bộ độc lập, được thành lập từ năm 2012, thuộc đảng bộ phường Tân Thới Nhất, năm học 2020 – 2021 chi bộ có 17 đảng viên gồm 14 đảng viên chính thức và 03 đảng viên dự bị; cấp ủy gồm 03 đồng chí (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 01 chi ủy viên) lãnh đạo nhà trường, Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng ủy phường Tân Thới Nhất, hằng tháng Cấp ủy chi bộ căn cứ Nghị quyết lãnh đạo của Đảng ủy cấp trên để xây dựng dự thảo Nghị quyết; chi bộ tổ chức họp chi bộ định kỳ hàng tháng theo

quy định, xây dựng Nghị quyết lãnh đạo đơn vị, trong 05 năm qua, Chi bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm 2016, 2018, 2019; riêng năm 2020 Chi bộ được đánh giá trong sạch vững mạnh xuất sắc [H3-1.3-11].

b) Trong các năm học qua, Chi bộ, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn, Liên đội có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, Đảng ủy và Ủy ban Nhân dân phường Tân Thới Nhất, Liên đoàn lao động Quận 12, Công đoàn luôn chăm lo tốt đời sống công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác; Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội tích cực tham gia các hoạt động phong trào, hội thi của của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân phường, của Liên đoàn lao động Quận 12, Quận đoàn 12, Hội đồng Đội, Nhà thiếu nhi Quận 12 phối hợp cùng Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức; Chi đoàn, Liên đội 3 năm liền 2018, 2019, 2020 được Quận đoàn và Hội đồng Đội đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-07]; [H3-1.3-08]; [H3-1.3-09]; [H3-1.3-11].

Mức 3:

a) Từ năm 2015 đến năm 2016, Chi bộ trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2017 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2018, 2019 hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2020 chi bộ được đánh giá trong sạch vững mạnh xuất sắc [H3-1.3-11].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội Chũ thập đỏ, Ban Đại diện cha mẹ học sinh, Chi hội Khuyến học trong nhà trường đóng góp tích cực, hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường, phường Tân Thới Nhất và Quận 12 và cho cộng đồng; Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh năm 2019 và công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020; Chi đoàn đạt Chi đoàn xuất sắc liên tục trong các năm 2018, 2019, 2020; Liên đội đạt danh hiệu Liên đội xuất sắc trong các năm 2018, 2019, 2020 [H3-1.3-04]; [H3-1.3-06]; [H3-1.3-07]; [H3-1.3-08]; [H3-1.3-09]; [H3-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hoạt động theo Điều lệ và quy định của Pháp luật; có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tích cực tham gia các hoạt động và có đóng góp tích cực, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, phường Tân Thới Nhất. Trong 05 năm qua, Chi bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 03 năm 2016, 2018, 2019; năm 2020 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh xuất sắc. Chi đoàn, Liên đội 3 năm liền 2018, 2019, 2020 được Quận đoàn và Hội đồng Đội đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Năm 2017 chi bộ được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2019 Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Bí thư chi bộ phân công một Chi ủy viên chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Ban Chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Chi đoàn, lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn xây dựng chương trình hoạt động thiết thực, phù hợp với thực tế của nhà trường; phân công nhiệm vụ hợp lý cho thành viên Ban chấp hành, theo dõi, động viên đánh giá đúng chất lượng công đoàn viên, đoàn viên thanh niên. Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ kinh phí, động viên khen thưởng cho giáo viên, nhân viên tích cực tham gia hoạt động phong trào. Ban chấp hành Công đoàn, tổ trưởng công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động công đoàn cụ thể cho từng tháng, đổi mới hình thức sinh hoạt tổ, chuẩn bị nội dung sinh hoạt phong phú; sắp xếp thời gian sinh hoạt khoa học để thu hút công đoàn viên tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng được bố trí đúng định mức số lượng người làm việc trong trường phổ thông cấp trung học sơ sở theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Ủy Ban Nhân dân Quận 12 ra quyết định bổ nhiệm [H4-1.4-01].

b) Trường có 1 tổ văn phòng và 8 tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức theo quy định gồm: tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng Anh, tổ Vật lý - Hóa học - Sinh

học, tổ Lịch sử - Địa lý – Giáo dục công dân; mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng; riêng tổ toán, tổ Ngữ văn, tổ Vật lý - Hóa học - Sinh học có 01 tổ phó do các tổ này có từ 7 thành viên trở lên; Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, tổ phó vào đầu năm học [H1-1.4-02].

c) Hàng năm, đầu mỗi năm học tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ chuyên môn; nội dung đi sâu vào đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, xây dựng phương hướng, đề ra giải pháp nâng cao chất lượng bộ môn; hướng dẫn giáo viên mới nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả; thực hiện chế độ sinh hoạt chuyên môn tổ theo quy định 02 lần/tháng; Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch hoạt động của tổ trưởng, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H1-1.1-05]; [H4-1.4-02]; [H7-1.7-02]; [H8-1.8-03].

Mức 2:

a) Hàng năm tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện 04 chuyên đề/ năm học nhằm đẩy mạnh đổi mới hoạt động chuyên môn theo định hướng chung của ngành và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H4-1.4-03].

b) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 2 lần trong tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu để thống nhất chuyên môn, rà soát và đánh giá các hoạt động của tổ cũng như điều chỉnh giải pháp thực hiện kế hoạch của tổ [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03].

Mức 3:

a) Hàng năm, các tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề, thao giảng, sinh hoạt tổ chuyên môn để chia sẻ những kinh nghiệm về công tác giảng dạy và

quản lý, các tổ chuyên môn luôn có sự cải tiến trong giảng dạy, góp phần vào việc nâng cao chất lượng của nhà trường về mọi mặt, tổ Văn phòng hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, ngoài ra các thành viên tổ Hành chính văn phòng còn tích cực hỗ trợ các hoạt động khác trong nhà trường như hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, văn nghệ, tham quan; tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp rất hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04].

b) Các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các chuyên đề chuyên môn mang tính đổi mới, bám sát chỉ đạo, được thực hiện có bài bản, có quy mô, mang tính khả thi có thể áp dụng đại trà, sau mỗi chuyên đề, các tổ đều có hoạt động rút kinh nghiệm và có kế hoạch ứng dụng vào thực tế những năm tiếp theo; bên cạnh các chuyên đề được thực hiện khá hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, vẫn còn một số chuyên đề chưa đi vào chiều sâu và chất lượng chưa được cao [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động rất hiệu quả như cải tiến phương pháp giảng dạy chia sẻ những kinh nghiệm về công tác giảng dạy và quản lý góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các chuyên đề khả thi áp dụng tốt vào thực tế trong năm học và những năm tiếp theo.

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định, hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn một vài chuyên đề của tổ chuyên môn thực hiện chưa đạt chất lượng, hiệu quả chưa cao trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng phân công Phó hiệu trưởng thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn qua các chuyên đề, hội thảo tại trường. Các tổ trưởng chuyên môn tăng cường thực hiện các hoạt động tổ, nhóm nhằm nâng cao chất lượng chung của tổ, tập trung đầu tư và cải thiện xây dựng các chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục cả về mặt nội dung và hình thức. Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Hiệu trưởng lãnh đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá, động viên khen thưởng; tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng chuẩn, đảm bảo các quyền lợi gắn với yêu cầu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020 – 2021, trường có 30 lớp gồm 08 lớp 6, 07 lớp 7, 08 lớp 8 và 07 lớp 9 [H5-1.5-01]; [H5-1.5-03].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, mỗi lớp từ 39 đến 44 học sinh, cơ cấu mỗi lớp đều có ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng phụ trách hoạt động chung, 01 lớp phó phụ trách học tập, 01 lớp phó phụ trách kỷ luật, lao động, phong trào do lớp bầu ra vào đầu năm học, mỗi lớp chia làm 04 tổ và mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó phụ trách hoạt động của tổ, giáo viên chủ nhiệm mỗi lớp đều nắm rõ thông tin học sinh và cập nhật đầy đủ ở sổ chủ nhiệm [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho lớp bầu Ban cán sự chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm [H5-1.5-02].

Mức 2:

Từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2019 – 2020, trường đều có 30 lớp; sĩ số học sinh mỗi lớp học từ 39 đến 44 học sinh, bình quân mỗi lớp học là 41,65 học sinh [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

Mức 3:

Từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2018 – 2019, trường đều có 30 lớp gồm 08 lớp 6, 07 lớp 7, 08 lớp 8 và 07 lớp 9, sĩ số học sinh bình quân mỗi lớp học là 43,87 học sinh.

Năm học 2019 – 2020, trường có 30 lớp học gồm 08 lớp 6, 07 lớp 7, 08 lớp 8 và 07 lớp 9, sĩ số học sinh bình quân mỗi lớp học là 39,43 học sinh [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức biên chế học sinh theo lớp có từ 39 đến 44 học sinh, bình quân mỗi lớp học là 41,65 học sinh; có ban cán sự lớp, tổ trưởng, tổ phó theo quy định của Luật Giáo dục. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ phù hợp với hoạt động giáo dục.

Năm học 2019 – 2020, trường có 30 lớp học; sĩ số học sinh bình quân mỗi lớp học là 39,43 học sinh.

3. Điểm yếu

Từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2018 – 2019, sĩ số học sinh bình quân mỗi lớp học vẫn còn cao là 43,87 học sinh chưa đáp ứng tiêu chí lớp học ở mức 3 là mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022 Hiệu trưởng tham mưu kiến nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch phân tuyến học sinh trên địa bàn phường Tân Thới Nhất, giảm số lượng tuyển học sinh đầu cấp của trường để duy trì số lớp là 30 lớp, sĩ số học sinh bình quân mỗi lớp học giữ không quá 40 học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản được lưu trữ đúng theo quy định lưu trữ văn thư hành chính, sổ sách quản lý hành chính, tài chính và tài sản, thiết bị giáo dục được lưu trữ đầy đủ tại phòng hành chính và kho lưu trữ [H6-1.6-01]; [H6-1.6-02].

b) Nhà trường có kế hoạch lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định, hằng năm, trường có báo cáo quyết toán, thống kê tài chính, tài sản; thực hiện đúng quy định về công khai tài chính, có kế hoạch định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận, bổ sung, cập nhật, điều chỉnh hằng năm theo ý kiến đóng góp của tập thể, đảm bảo hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H6-1.6-03]; [H6-1.6-04]; [H6-1.6-05]; [H6-1.6-06]; H6-1.6-07].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích; phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin mang lại hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường thông qua hệ thống các phần mềm điện tử như sau: trang web của trường (www.thcsnguyenvinhnghiep.hcm.edu.vn), hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Quảng Ích), phần mềm quản lý cán bộ (VPN), phần mềm kế toán (Imas), phần mềm khai thuế, phần mềm khai nộp bảo hiểm xã hội, thực hiện báo cáo trực tuyến 100% theo yêu cầu, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản mang lại hiệu quả trong công tác quản lý hành chính như: phần mềm quản lý nhân sự Epmis, quản lý Cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nội vụ giúp tra cứu thông tin Cán bộ, viên chức dễ dàng; các phần mềm cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục giúp đồng bộ cơ sở dữ liệu của trường với cơ sở dữ liệu của các cấp quản lý Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo [H6-1.6-08].

b) Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020, nhà trường đã có kế hoạch quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H6-1.6-05]; [H6-1.6-06].

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để thu hút, tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục; nhưng do điều kiện thực tế của nhà trường, thực tế của địa phương nên việc tạo nguồn tài chính hợp pháp

phù hợp chưa được dồi dào để hỗ trợ cho hoạt động chung của trường [H6-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Hồ sơ, sổ sách quản lý hành chính, tài chính và tài sản, thiết bị giáo dục được lưu trữ đầy đủ tại phòng hành chính và kho lưu trữ. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích; phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Nhà trường triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin mang lại hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Do điều kiện của nhà trường, thực tế tại địa phương, Nhà trường chưa tạo được nguồn tài chính dồi dào hỗ trợ tốt cho hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo huy động các nguồn lực; Hiệu trưởng căn cứ trên điều kiện nhà trường, thực tế tại địa phương xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn có tính khả thi để tạo các nguồn tài chính hợp pháp.

5 Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Hiệu trưởng thông qua kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ trong liên tịch, hội đồng sư phạm và được ghi nhận trong biên bản số Nghị quyết Hội đồng sư phạm của nhà trường, tính đến tháng 02 năm 2021, trường 18 giáo viên đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị; 04 giáo viên đang học trung cấp chính trị; 01 cán bộ quản lý và 01 giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, Hiệu trưởng hằng năm có xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên, trong đó có nêu được các giải pháp thực hiện, các giải pháp tự kiểm tra, đánh giá qua đó đảm bảo công tác triển khai hiệu quả, có chất lượng đối với công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị của Cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H7-1.7-01].

b) Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phân công sử dụng viên chức đúng trình độ chuyên môn, năng lực sở trường, đảm bảo tính dân chủ, rõ ràng, hợp lý, trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, qua đó đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H7-1.7-02]; [H7-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác, nhà trường thực hiện chế độ nâng lương theo niên hạn và trước niên hạn, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định, công bằng, công khai, nhà trường chi trả lương và phụ cấp hàng tháng đầy đủ, đúng quy định,

ngoài ra, nhà trường còn thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý kế cận, tạo điều kiện cho giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7-1.7-01]; [H7-1.7-04].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch, triển khai được các giải pháp, phân công công việc đúng năng lực, chuẩn bị nguồn lực kinh phí để giáo viên tích cực trong đổi mới giáo dục, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, phong trào, đồng viên khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, Hiệu trưởng cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn như lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng, lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, lớp nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, các lớp học chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; nhưng riêng việc nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên chưa đạt mục tiêu đề ra [H7-1.7-03]; [H7-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả. Hiệu trưởng hằng năm có xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên đạt hiệu quả, có chất lượng. Hiệu trưởng phân công sử dụng viên chức đúng trình độ chuyên môn, năng lực sở trường, đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc học nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên chưa đạt mục tiêu đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy những mặt tích cực trong quản lý các hoạt động giáo dục; phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên một cách hợp lý; xây dựng kế hoạch và sắp xếp cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng chuẩn ngoại ngữ theo yêu cầu chuẩn hóa.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, Hiệu trưởng căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 và tình hình thực tế của trường để xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể cho năm học, đảm bảo phù hợp với quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.1-04]; [H7-1.7-02]; [H8-1.8-03].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ, hoạt động giảng dạy được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo ban hành, bên cạnh đó, nhà trường đã quan tâm, tích cực thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động về văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, giáo viên thực hiện đúng, đủ chương trình theo quy định [H7-1.1-04]; [H8-1.8-01]; [H8-1.8-02].

c) Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo từng giai đoạn, từng học kỳ, từng tháng, Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra hoạt động thực hiện chương trình của giáo viên thông qua thời khóa biểu, sổ ghi đầu bài, kế hoạch cá nhân, hằng tháng, các tổ chuyên môn họp định kỳ theo đúng quy định và rà soát đánh giá kết quả giảng dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn nhằm xây dựng điều chỉnh kế hoạch, đề ra giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh còn hạn chế, các câu lạc bộ học thuật đã xây dựng nhưng các nội dung hoạt động còn chưa phong phú [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H8-1.8-01]; [H8-1.8-02].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục trong mỗi năm học đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Quận 12 đánh giá đạt hiệu quả tốt qua các đợt kiểm tra, hội nghị sơ kết, tổng kết và qua các danh hiệu thi đua hằng năm trường đạt được, tuy nhiên đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi chưa đạt hiệu quả cao, số lượng học sinh đạt học sinh giỏi cấp thành phố còn ít [H8-1.8-03]; [H8-1.8-04]; [H1-1.1-06].

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng triển khai các văn bản hướng dẫn, quy định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên và cha mẹ học

sinh tại các buổi họp hội đồng sư phạm, phụ huynh học sinh, hằng tháng, trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, cán bộ quản lý đều có rà soát, nhắc nhở để giáo viên nghiêm túc thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-02]; [H8-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, đề ra các giải pháp cụ thể, đồng bộ phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh còn hạn chế, hoạt động các câu lạc bộ học thuật nội dung hoạt động chưa phong phú.

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi chưa đạt hiệu quả cao, số lượng học sinh đạt học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng sẽ tăng cường xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, quản lý tốt công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục qua việc thực hiện tốt công tác chỉ đạo tổ nhóm bộ môn xây dựng bản đặt tả chương trình, ma trận đề kiểm tra định kỳ, cuối kỳ của từng học kỳ.

Phân công Phó Hiệu trưởng trực tiếp quản lý đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Phân công phó hiệu trưởng tổ chức xây dựng chuyên đề giải pháp nâng cao chất lượng học sinh giỏi, triển khai đến giáo viên cốt cán, giáo viên giỏi xây

dựng các sáng kiến về giải pháp nâng cao chất lượng học sinh giỏi ở từng bộ môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp, khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế và các hoạt động của nhà trường từ Hội nghị trừ bị cấp tổ, đến việc thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường theo Thông tư 11/2020/TT-BBGDDT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ được xác định cụ thể đảm bảo tính kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của nhà trường và quyền làm chủ của mỗi cá nhân [H3-1.3-07]; [H7-1.7-05]; [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản sau khi tổ chức thảo luận, tổng hợp ý kiến đóng góp của tập thể Hội đồng sư phạm trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức như: Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Nội quy đơn vị [H6-1.6-03]; [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].

b) Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ học sinh hằng năm đều được giải quyết đúng quy định nhưng chưa cập nhật đầy đủ trong hồ sơ tiếp dân, từ năm học 2015 - 2016 đến nay, nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh [H9-1.9-01].

c) Hằng năm, Ban chấp hành công đoàn phân công Ban thanh tra nhân dân thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hàng tháng; hằng năm và có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả như: Thực hiện ba công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng các hình thức như thông qua công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các buổi họp Hội đồng sư phạm, công khai tại bảng tin, cổng thông tin điện tử của nhà trường,... Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở được giám sát từ Chi bộ, Ban Thanh tra nhân dân và Công đoàn; tiếp xúc, đối thoại giữa lãnh đạo và viên chức, lãnh đạo và học sinh; đẩy mạnh công tác dân vận, dân chủ trực tiếp; lập kế hoạch phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp cùng các bộ phận xử lý kịp thời các trường hợp phản ánh từ phụ huynh. Nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, nhân viên hay phụ huynh và địa phương.

Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân trong hoạt động giám sát thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Nhà trường xử lý kịp thời các phản ánh của phụ huynh nhưng chưa cập nhật đầy đủ vào hồ sơ tiếp công dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục duy trì xây dựng kế hoạch kiểm tra và giám sát thực hiện Quy chế dân chủ theo đúng quy định.

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng cùng các Phó hiệu trưởng, giám thị và các bộ phận tiếp công dân cập nhật hồ sơ tiếp công dân khi xử lý các phản ánh, khiếu nại từ phụ huynh, học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

Công đoàn trường tiếp tục tạo điều kiện ban thanh tra nhân dân làm tốt vai trò giám sát của mình để xây dựng trường ngày càng phát triển vững mạnh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng đã xây dựng và triển khai các kế hoạch và các phương án phối hợp tốt với địa phương, công an phường Tân Thới Nhất, trạm y tế, trung tâm y tế, đơn vị cảnh sát phòng cháy chữa cháy Quận 12 nhằm đảm bảo về an ninh trật tự trường học; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, nhà trường triển khai xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và tổ chức diễn tập chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh mỗi năm 01 lần [H10-1.10-01].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng gồm số điện thoại của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm; lịch tiếp công dân hằng tuần để xử lý các thông tin phản ánh của người dân, tổ chức tọa đàm với học sinh 01 lần/học kỳ để lắng nghe ý kiến các em; xây dựng phương án đảm bảo

an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H10-1.10-01]; [H10-1.10-02].

c) Từ năm học 2015 – 2016 đến nay, nhà trường không có hiện tượng hành vi bạo lực học đường, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên bộ môn Giáo dục công dân, Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về bạo lực học đường và bình đẳng giới trong đội ngũ và học sinh [H3-1.3-09]; [H8-1.8-03].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với các bộ phận liên quan phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra nguồn nước, nguồn nguyên liệu nhập thức ăn thức uống ở căn tin, xây dựng phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H10-1.10-01]; [H10-1.10-03]; [H10-1.10-04]; [H10-1.10-05]; [H10-1.10-06]; [H10-1.10-07].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận giám thị, lực lượng đoàn viên thường xuyên giám sát, kiểm tra, thu thập, xử lý các thông tin và đề xuất với Cán bộ quản lý có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường; phối hợp với chính quyền địa phương, công an phường Tân Thới Nhất trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, tuy nhiên, việc chống ùn tắc giao thông trước cổng trường đôi lúc thiếu hiệu quả do đường hẹp, chợ đông người trong giờ họp chợ, ngoài ra nhà trường thông qua đường dây nóng, hộp thư góp ý để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh [H10-1.10-01]; [H10-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích, không có tệ nạn xã hội, bạo lực học đường trong môi trường giáo dục của nhà trường. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh được nhà trường thực hiện nghiêm túc.

3. Điểm yếu

Việc phòng chống ùn tắc giao thông trước cổng trường đôi lúc thiếu hiệu quả do đường hẹp, chợ đông người trong thời gian buổi sáng họp chợ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo an toàn trường học; tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp giữa giám thị, đoàn viên, giữa nhà trường và chính quyền địa phương, lực lượng công an phường, bảo vệ khu phố cùng với việc tăng cường giáo dục học sinh, điều tiết số lượng học sinh di chuyển giờ ra về; tuyên truyền đến phụ huynh thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo an toàn luật giao thông đường bộ; tiếp tục chỉ đạo xây dựng tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống kỳ thị về giới và bạo lực trong đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các bộ phận đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ Văn phòng hoạt động theo đúng quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn dưới sự lãnh

đạo của Chi bộ.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục, phù hợp với điều kiện, yêu cầu cụ thể từng năm học.

Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch, đoàn kết nội bộ, không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện.

Điểm yếu cơ bản:

Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương chưa phát huy hiệu quả nên ảnh hưởng đến một số hoạt động chung của trường.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Hoạt động dạy và học trong nhà trường muốn ổn định và phát triển đòi hỏi phải có đội ngũ thầy cô giáo có phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực và tận tụy trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng, bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục, giáo viên trong nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyên môn giảng dạy, đã qua các lớp bồi dưỡng đáp ứng chuyên môn, nghiệp vụ theo chuyên ngành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thật sự tâm huyết với nghề; để có được điều này, đòi hỏi nhà trường phải có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ổn định về mặt nhân sự, đủ số lượng, cơ cấu, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo đúng vị trí việc làm, đội ngũ sư phạm nhà trường có tinh thần đoàn kết nội bộ, biết hỗ trợ giúp đỡ đồng nghiệp, biết tự học tự bồi dưỡng để

phát triển không ngừng, học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi khi đến trường theo quy định, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường gồm 03 thành viên: Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định, tính đến học kỳ 1 năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng có 33 năm công tác, trong đó có 23 năm làm công tác quản lý trường học, đã hoàn thành lớp thạc sĩ và trung cấp chính trị, có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm, có năng lực ngoại ngữ B1, Tin học trình độ Cử nhân. Phó hiệu trưởng thứ nhất có 16 năm công tác và Phó hiệu trưởng thứ

hai có 35 năm công tác theo quyết định điều động, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại của Ủy ban Nhân dân Quận 12, có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm, có năng lực ngoại ngữ B, Tin học trình độ B, chính trị trung cấp [H11-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cũng như về năng lực chuyên môn, từ năm 2015 - 2016 đến nay được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng mức tốt theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H11-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đều là đảng viên, đã qua các lớp trung cấp chính trị, lớp đào tạo Hiệu trưởng Trung học cơ sở, hằng năm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thường xuyên được cử tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ do ngành giáo dục tổ chức, được bồi dưỡng chương trình Giáo dục phổ thông 2018, riêng Hiệu trưởng đã có bằng Thạc sĩ khoa học chuyên ngành quản lý giáo dục [H11-2.1-02].

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2015 – 2016 đến nay, trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng, ý kiến của giáo viên, nhân viên và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thông qua các minh chứng xác thực, phù hợp, Trưởng phòng giáo dục và đào tạo đánh giá Hiệu trưởng đạt chuẩn ở mức tốt, Hiệu trưởng đánh giá 02 Phó hiệu trưởng đạt chuẩn đánh giá ở mức tốt [H11-2.1-01].

b) Cả 03 cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và được cấp bằng trung cấp chính trị, hằng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý trường về công tác quản lý giáo dục của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đạt tỷ lệ tín nhiệm cao [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm vừa qua, Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở, tuy nhiên khả năng sử dụng ngoại ngữ của cán bộ quản lý chưa đạt mức tốt [H11-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên tin nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cũng như về năng lực chuyên môn, từ năm 2015 - 2016 đến nay được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng mức tốt theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ công tác quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên bản ngữ còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý của trường sẽ tiếp tục tham dự bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, chuyên môn của ngành và tự học tự rèn nâng cao năng lực quản lý để hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, tạo được uy tín trong hội đồng sư phạm, cha mẹ học sinh và học sinh, cán bộ quản lý tiếp tục học tập, tự bồi dưỡng năng lực sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 07 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục, cụ thể: Toán: 08 giáo viên (đủ), Ngữ văn: 09 giáo viên (đủ), Tiếng anh: 05 giáo viên (thiếu 01), Vật lý: 03 giáo viên (đủ), Hóa học: 04 giáo viên (đủ), Sinh học: 03 giáo viên (thiếu 01), Mỹ thuật: 02 giáo viên (đủ), Âm nhạc: 02 giáo viên (đủ), Giáo dục công dân: 02 giáo viên (đủ), Lịch sử: 03 giáo viên (đủ), Địa lý: 03 giáo viên (đủ), Công nghệ và Tin học: 07 giáo viên (đủ) Thể dục: 04 giáo viên (đủ). Do có 01 giáo viên Tiếng anh về hưu, 01 giáo viên Sinh học xin nghỉ việc từ tháng 10/2020, nên nhà trường còn thiếu 02 giáo viên, hiện nhà trường đang hợp đồng giáo viên dạy thỉnh giảng, để đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục [H7-1.7-03].

b) Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại điều 33 Thông tư số 12/2011/ TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó 01/55 (tỉ lệ 1,8%) có trình độ Thạc sĩ; 48/55 (tỉ lệ 87,30%) có trình độ Đại học sư phạm, 06/55 (tỉ lệ 10,90%) có trình độ Cao đẳng sư phạm; theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường có 06/55 (tỉ lệ 10,90%) có trình độ Cao đẳng sư phạm chưa đạt chuẩn Đại học sư phạm [H12-2.2-01].

c) Trường có đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình trong công tác, có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, hằng năm 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018

ở mức tốt trở lên [H4-1.4-04].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, trường có 55 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (trong đó có 01 giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, số giáo viên còn lại đều đạt chuẩn và được tạo điều kiện học tập nâng chuẩn theo lộ trình phù hợp [H12-2.2-01].

b) Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức mức tốt [H12-2.2-02].

c) Giáo viên tích cực trong các hoạt động đổi mới theo nhu cầu của ngành, có khả năng thích ứng và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học ứng dụng, năm học 2019 – 2020 đạt giải nhất đồng đội Hội thi học sinh với Robot thông minh cấp thành phố, tính đến nay nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H12-2.2-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H12-2.2-02].

b) Giáo viên chưa tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên đều đạt chuẩn theo quy định. Giáo viên trẻ nhiệt tình trong công tác, có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhanh chóng tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Quận, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 lập kế hoạch tuyển dụng 02 giáo viên Tiếng Anh, Sinh học để đảm bảo đủ giáo viên biên chế giảng dạy các bộ môn theo quy định, tiếp tục tạo điều kiện về thời gian cho các giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng chuẩn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng trình độ chính trị, quản lý giáo dục.

Đầu năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, giao cho tổ trưởng chuyên môn dự giờ, thao giảng, dự giờ đột xuất để kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm tiết dạy nhằm nâng cao chất lượng bộ môn; có biện pháp động viên, khuyến khích giáo viên đăng ký tham gia hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên dạy giỏi cấp Quận, cấp thành phố; tổ chức cho giáo viên tham gia các khóa tập huấn dạy học theo định hướng giáo dục Stem, hướng dẫn học sinh từng bước tham gia Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận của trường đầy đủ theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, bao gồm 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên phục vụ, 03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên thiết bị, thí nghiệm và 01 giám thị [H7-1.7-03]; [H13-2.3-02].

b) Nhân viên nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; nhân viên y tế, nhân viên thư viện, nhân viên văn thư đều có bằng trung cấp chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm [H13-2.3-01]; [H13-2.3-02].

c) Tất cả nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cuối năm được đánh giá công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hằng năm [H1-1.1-06]; [H13-2.3-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 – 2016 đến nay, nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định gồm: 01 kế toán, 01 văn thư, 01 nhân viên thư

viên, 01 y tế, 01 nhân viên thiết bị, 01 giám thị, 02 nhân viên phục vụ và 03 nhân viên bảo vệ, nhân viên thư viện, y tế, văn thư đạt trình độ trung cấp đúng chuyên ngành, nhân viên thiết bị, thí nghiệm, giám thị đạt trình độ cao đẳng, nhân viên kế toán đạt trình độ Đại học, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ [H13-2.3-01]; [H13-2.3-02].

b) Từ năm học 2015 – 2016 đến nay, tất cả nhân viên trong nhà trường đều chấp hành nghiêm túc kỷ luật, nội quy của trường; không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H9-1.9-01].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, nhân viên kế toán, nhân viên văn thư, y tế, thư viện có trình độ trung cấp đúng chuyên ngành; nhân viên thiết bị, thực hành thí nghiệm có bằng cao đẳng [H13-2.3-01]; [H13-2.3-02].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ, tuy nhiên một số thành viên chưa chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H7-1.7-01]; [H10-1.10-01]; [H10-1.10-06]; [H11-2.1-02]; [H13-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Nhân viên được phân công hợp lý, đúng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc, không vi phạm kỷ luật, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, nhân viên nhà trường tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí được phân công do cấp trên tổ chức.

3. Điểm yếu

Tính chủ động, sáng tạo trong công việc của một số nhân viên chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng tổ Văn phòng tiếp tục xây dựng kế hoạch công tác, xác định rõ vị trí việc làm của từng cá nhân đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát và thúc đẩy, phát huy năng lực của đội ngũ nhân viên, Hiệu trưởng tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do ngành tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 của nhà trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi theo Điều lệ trường Trung học, từ 11 tuổi đến 14 tuổi, một số học sinh lưu ban không quá 16 tuổi, nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo

kế hoạch phân tuyến của Ủy Ban Nhân dân Quận 12, học sinh đầu cấp hằng năm đều có độ tuổi từ 11 đến 12 tuổi, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học [H2-1.2-03]; [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

b) Hầu hết học sinh hoàn thành các nhiệm vụ của mình theo quy định và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41 của Điều lệ trường trung học và các quy định trong Luật trẻ em; đồng thời nhà trường xây dựng nội quy học sinh để cụ thể hóa các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực, hằng năm toàn trường đạt 100% học sinh được đánh giá xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên, học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền hưởng thụ giáo dục, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập theo Điều 39 Điều lệ trường trung học; được nhà trường bảo vệ, đối xử bình đẳng; được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường, được tham gia các phong trào nhằm phát triển năng khiếu nếu có đủ điều kiện; được nghe báo cáo chuyên đề Pháp luật liên quan đến quyền trẻ em; đối với các học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí ở hai học kỳ; Đoàn - Đội có chương trình hỗ trợ tập vở đầu năm và tặng quà Tết vào dịp trường tổ chức các hoạt động mừng Đảng – mừng Xuân [H3-1.3-06]; [H3-1.3-09]; [H5-1.5-02].

Mức 2:

Thông qua đội sao đỏ, giám thị giám sát trật tự nề nếp học sinh, một số trường hợp học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp như: phối hợp giữa cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm xác định nguyên nhân, nhắc nhở, khuyến khích

động viên các em tự sửa chữa các sai sót, từ đó các em có chuyển biến tích cực [H5-1.5-02]; [H14-2.4-02].

Mức 3:

- Năm học 2018 - 2019: Trường có 13 học sinh đạt học sinh giỏi quận, 5 học sinh đạt học sinh giỏi thành phố; đạt giải nhất robocon cấp quận; có 18 học sinh đạt huy chương Olympic tháng tư cấp thành phố; nhiều học sinh đạt giải thể thao cấp thành phố. [H14-2.4-02].

- Năm học 2019-2020: Trường có 5 học sinh đạt học sinh giỏi cấp quận; đạt giải nhất đồng đội Robot thông minh cấp thành phố; đạt nhiều giải cao trong hội thi thể thao cấp thành phố, đạt giải nhất đồng đội cờ vua giải "Giải thể thao học sinh" cấp Thành phố. [H14-2.4-02]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các yêu cầu tuyển sinh đầu cấp, đúng độ tuổi được quy định, đa số học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường, học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, rèn luyện, trong nghiên cứu khoa học, trong thể thao học sinh và đạt giải cao trong các kỳ thi cấp quận và thành phố, đã tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số học sinh vẫn còn có biểu hiện vi phạm kỷ luật, nội quy nhà trường do tác động của môi trường xã hội, gia đình chưa quan tâm sâu sát đến con em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm hơn đến hoàn cảnh, tâm lý của từng em để uốn nắn kịp thời, giáo dục học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị, Tổng phụ trách Đội, Ban đại diện Cha mẹ

học sinh trong việc rèn luyện ý thức trách nhiệm học sinh thực hiện nội quy nhà trường.

Trong các năm 2021 – 2022, Hiệu trưởng có kế hoạch cử giáo viên tham gia khóa tư vấn tâm lý học sinh, tiến tới thành lập tổ tư vấn tâm lý học sinh trung học cơ sở để kịp thời động viên, giúp đỡ học sinh sửa chữa những khuyết điểm để trở thành học sinh chăm ngoan.

Nhà trường tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, chia sẻ về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý học sinh cho giáo viên chủ nhiệm lớp, bộ phận giám thị, tổng phụ trách Đội để phát huy kinh nghiệm giáo dục học sinh thông qua việc báo cáo sáng kiến, sinh hoạt chuyên đề.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục đáp ứng các yêu cầu theo quy định; có năng lực quản lý, lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý được sự tín nhiệm của tập thể sư phạm nhà trường, của cha mẹ học sinh và học sinh; cán bộ quản lý luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ.

100% giáo viên đều đạt chuẩn theo quy định.

Các học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, rèn luyện, trong nghiên cứu khoa học, trong thể thao học sinh và đạt giải cao trong các kỳ thi cấp quận và thành phố, đã tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên bản ngữ đôi lúc gặp khó khăn.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Một đơn vị trường học hoàn chỉnh theo quy định hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo không chỉ căn cứ vào chất lượng giảng dạy và học tập của đội ngũ sư phạm và học sinh, mà còn phải đạt những quy chuẩn về cơ sở vật chất cũng như tài chính của nhà trường theo các quy định hiện hành của các cơ quan thẩm quyền, yêu cầu về cơ sở vật chất và tài chính đối với đơn vị trường học hiện nay bao gồm: khuôn viên nhà trường phải đảm bảo sự riêng biệt, có tường bao, có cổng trường, biển trường và phải đảm bảo có sự riêng biệt với môi trường xanh, sạch, đẹp, đó là một trong những điều kiện đầu tiên để thực hiện việc “trường ra trường, lớp ra lớp”, ngoài ra cơ sở vật chất nhà trường cũng phải đáp ứng đủ theo yêu cầu của chương trình đổi mới giáo dục, có kết nối Internet phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ học tập và công tác hành chính của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có diện tích đất 1.769,4m² với khuôn viên có cây xanh, sạch sẽ, trong sân trường có cây cảnh. Sân trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục, do kết cấu nền bằng bê-tông khá dày nên trường không trồng được nhiều cây xanh ở sân cung cấp đủ bóng mát cho các em học sinh [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

Trên sân, được đặt nhiều ghế đá cho học sinh ngồi đọc sách, nghỉ ngơi trong giờ ra chơi [H15-3.1-04].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cổng chính có biển tên trường được đặt ở vị trí phù hợp, kiên cố; xung quanh trường có hệ thống tường rào được thiết kế an toàn, tạo điều kiện tốt cho công tác dạy và học của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

c) Sân trường toàn bộ được tráng xi-măng bằng phẳng, khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường, tuy nhiên, các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao cho học sinh chưa đa dạng [H6-1.6-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa, luyện tập, vui chơi như sân cầu lông, làn chạy, bãi cát nhảy cao, nhảy xa [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

Mức 3:

Trường có khuôn viên riêng biệt; sân chơi vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo đúng quy định, tổng diện tích sử dụng của trường là 1.769,4m² chưa đáp ứng quy định diện tích ít nhất 6m²/học sinh, khu sân chơi, bãi tập chưa đảm bảo diện tích theo qui định [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Sân trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích nhỏ chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa, sinh hoạt của các Câu lạc bộ như cầu lông, làn chạy, bãi cát nhảy cao, nhảy xa.

Trường không trồng được nhiều cây xanh ở sân do kết cấu nền bằng bê-tông khá dày nên chưa cung cấp đủ bóng mát cho các em học sinh, số lượng học sinh của trường khá đông hơn so với tổng diện tích của trường nên chưa đạt yêu cầu 6m²/học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy và khai thác triệt để lợi thế về diện tích, khuôn viên trường trong quá trình dạy học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, mở rộng không gian ngoài lớp học cho học sinh, tạo sự thoải mái và đảm bảo sức khỏe cho học sinh trong hoạt động. Hiệu trưởng nghiên cứu phương án đầu tư nguồn ngân sách, nguồn quỹ đất để cải thiện diện tích khu sân chơi, bãi tập cho học sinh theo quy định, và đề xuất Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Trường lên kế hoạch, tìm phương án trồng thêm cây xanh ở sân để cung cấp đủ bóng mát cho các em học sinh”

5. Tự đánh giá: đạt mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 15 phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, mỗi phòng học có 24 bàn 48 ghế học sinh đảm bảo theo quy cách phù hợp với lứa tuổi học sinh, 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 02 bảng từ, 01 tivi hoặc máy chiếu để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học; phòng vi tính được kết nối internet phục vụ dạy học; thường xuyên cải tạo, sửa chữa các phòng học, phòng thí nghiệm, các thiết bị dạy học nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy tốt hơn [H16-3.2-01].

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định: phòng thực hành Lý – Hoá – Sinh, phòng Tin học [H16-3.2-01].

c) Nhà trường có 01 phòng Đoàn, 01 phòng Đội, 01 phòng thư viện và 01 phòng truyền thống theo qui định, tuy nhiên diện tích phòng Đoàn - Đội, phòng truyền thống có diện tích nhỏ khó khăn trong triển khai công tác giáo dục đạo đức, truyền thống cho đội viên, đoàn viên [H16-3.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường chưa có phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập được Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các phòng học được bố trí trên các dãy lầu ở tầng 1, tầng 2 [H16-3.2-01].

b) Khôi phục vụ học tập đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các hoạt động nhà trường, đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động dạy và học, tuy nhiên trường còn thiếu nhà đa năng và phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập [H16-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường có khối phòng học, phòng học bộ môn chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định về phòng học bộ môn Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trường chưa có phòng học để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H16-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết trong mỗi phòng học, mỗi phòng học được trang bị tivi hoặc máy chiếu để phục vụ cho việc ứng dụng

công nghệ thông tin vào dạy học; phòng vi tính được kết nối internet phục vụ dạy học.

3. Điểm yếu

Phòng học bộ môn chưa đạt chuẩn theo quy định, phòng Đoàn - Đội, phòng truyền thống có diện tích nhỏ khó khăn trong triển khai công tác giáo dục đạo đức, truyền thống cho đội viên, đoàn viên.

Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất với lãnh đạo Phòng giáo dục và đào tạo, Ủy ban Nhân dân Quận 12 đầu tư nguồn vốn cải tạo cơ sở vật chất xây dựng mới dãy phòng hành chính trên dãy nhà hiện trạng cấp 4 để tăng diện tích phòng học bộ môn, phòng Đoàn – Đội, phòng truyền thống để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục học sinh; vận động nguồn ngân sách điều tiết, ngân sách đơn vị trang bị bổ sung trang thiết bị, bàn ghế mới phù hợp với chuẩn hiện hành; sắp xếp và giảm số lớp học phù hợp với công tác tuyển sinh đầu cấp tại địa phương để cải tạo các phòng học bộ môn đạt chuẩn, dành phòng học để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: đạt mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Nhà trường có khối phòng phục vụ công tác hành chính - quản trị gồm: 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng; 01 phòng làm việc của Phó hiệu trưởng và văn thư – học vụ; 01 phòng hành chính, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện, 01 phòng giám thị, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng tiếp phụ huynh. Các khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng như máy tính được nối mạng Internet đảm bảo việc cập nhật thông tin đáp ứng được yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường; các khối phòng được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, an toàn [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

b) Khu để xe của giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý, khu để xe của giáo viên được bố trí gần phòng bảo vệ, tách biệt với khu để xe của học sinh, đảm bảo an toàn trật tự [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

c) Các thiết bị khối hành chính - quản trị được định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bổ sung hàng quý, hằng năm đảm bảo phục vụ nhu cầu của hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường [H17-3.3-01].

Mức 2:

Khối hành chính gồm phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng và văn thư – học vụ, phòng hành chính - quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ được bố trí theo quy định, do diện tích trường nhỏ nên chưa bố trí phòng làm việc dành riêng cho bộ phận văn thư – học vụ, phòng nghỉ cho giáo viên nữ; riêng phòng nghỉ của giáo viên nam được trang bị quạt, đèn, giường xếp nhưng chưa trang bị được giường nằm [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính có kết nối Internet, tủ hồ sơ, máy photo... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H15-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Các khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng như máy tính được nối mạng Internet đảm bảo việc cập nhật thông tin đáp ứng được yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường; các khối phòng được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, an toàn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa bố trí được phòng làm việc dành riêng cho bộ phận văn thư – học vụ, phòng nghỉ cho giáo viên nữ; riêng phòng nghỉ của giáo viên nam được trang bị quạt, đèn, giường xếp nhưng chưa trang bị được giường nằm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, bổ sung, cải tiến chất lượng trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác hành chính quản trị trong nhà trường; sắp xếp, bố trí phòng làm việc riêng cho bộ phận văn thư – học vụ và phòng nghỉ cho giáo viên nữ, trang bị thêm giường nằm cho phòng nghỉ giáo viên nam.

5. Tự đánh giá: đạt mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 04 khu nhà vệ sinh riêng biệt dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, được xây dựng riêng cho nam và nữ, được bố trí hợp lý, tường nhà vệ sinh có ốp gạch men sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng mát, có đủ ánh sáng, khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

b) Nhà trường hợp đồng sử dụng nguồn nước máy phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, sử dụng nước tinh khiết đóng bình phục vụ nhu cầu nước uống hợp vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo theo

tiêu chuẩn quy định; có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H18-3.4-01]; [H18-3.4-03]; [H18-3.4-04].

c) Nhà trường kí kết hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, việc thu gom rác hằng ngày đảm bảo yêu cầu, có khu riêng biệt tập trung rác, không gây ô nhiễm môi trường [H18-3.4-02].

Mức 2:

a) Khu nhà vệ sinh được xây dựng riêng cho nam và nữ, được bố trí hợp lý, xây dựng bằng xi măng có ốp gạch men vững chắc, sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng, có đủ ánh sáng, khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường và có hệ thống thoát nước riêng theo quy định [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch là nguồn nước thủy cục của Thành phố, trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên do sân trường thấp hơn nhiều so với mặt đường phía bên ngoài, nên khi trời mưa to, nước thoát không kịp gây ngập úng tạm thời [H18-3.4-03]; [H18-3.4-04].

Trường có hợp đồng với công ty Môi trường thu gom và vận chuyển rác hàng ngày đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, trường bố trí đủ thùng rác có nắp đậy và phân loại rác thải nhưng một số học sinh chưa phân loại rác đúng quy định, trường bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ vệ sinh có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong trường; thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng, khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng [H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].

2. Điểm mạnh

Công trình vệ sinh được bố trí hợp lý, phù hợp với cảnh quang môi trường đồng thời công trình tách riêng các khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh và bố trí riêng cho nam và nữ.

Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Còn một số ít học sinh chưa có ý thức trong việc phân loại rác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách phối hợp với Chi đoàn và bộ phận y tế xây dựng kế hoạch cụ thể về việc quy định giữ gìn vệ sinh cho học sinh các lớp; quy định khen thưởng và kỷ luật đối với hành vi xả rác và phân loại rác; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc kết hợp giáo dục học sinh trong tiết sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ và tích hợp, lồng ghép trong các bài giảng trên lớp với nội dung tuyên truyền giáo dục về ý thức bảo vệ môi trường, nếp sống văn minh; xây dựng nhiều chuyên đề gắn với thực tiễn về vấn nạn rác thải..., tổ chức hoạt động cho học sinh tham gia hưởng ứng tái chế, xử lý, phân loại rác thải.

5. Tự đánh giá: đạt mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ các thiết bị: máy vi tính, máy in, máy photocopy, hệ thống loa phát thanh và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H19-3.5-01].

b) Trường có đủ các thiết bị dạy và học tối thiểu cho từng bộ môn theo Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; hằng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H19-3.5-05].

Trong giảng dạy, giáo viên thực hiện đúng yêu cầu về việc sử dụng trang thiết bị dạy và học trong các giờ lên lớp [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]; [H19-3.5-03]; [H19-3.5-08].

c) Mỗi năm nhà trường đều thực hiện việc kiểm kê số lượng từng loại thiết bị và có kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung [H19-3.5-02]; [H19-3.5-03]; [H19-3.5-04]; [H19-3.5-05].

Mức 2:

a) Khu hành chính có 11 máy vi tính, 10 máy tính xách tay, 06 máy in, 02 máy photocopy phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; có 01 phòng tin học gồm 47 máy vi tính phục vụ cho học sinh học tập và đều được kết nối mạng internet [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]; [H19-3.5-06]; [H19-3.5-07].

b) Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo Danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hằng năm được bổ sung để phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]; [H19-3.5-04].

c) Hằng năm, bổ sung các thiết bị dạy học tự làm như các dụng cụ đo đạc trong toán học, các mô hình sản phẩm ứng dụng STEM, các giáo án ứng dụng công nghệ thông tin, ... [H19-3.5-02]; [H19-3.5-04]; [H19-3.5-05].

Mức 3:

Thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, số lượng còn hạn chế [H3-3.2-01]; [H19-3.5-01]; [H19-3.5-08].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho tất cả các bộ môn theo quy định. Hằng năm bộ phận thiết bị đều có bổ sung mua sắm thêm trang thiết bị để phục vụ dạy và học.

3. Điểm yếu

Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá hằng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tiếp tục rà soát thiết bị dạy học của trường theo Danh mục thiết bị tối thiểu ban hành theo Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch mua sắm bổ

sung thiết bị dạy học.

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phát động cuộc thi làm đồ dùng dạy học tạo sân chơi lành mạnh, phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, thư viện đều được bổ sung thêm nhiều loại sách, báo, tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và học tập của

học sinh [H16-3.2-01]; [H20-3.6-01]; [H20-3.6-02]; [H20-3.6-03]; [H20-3.6-06]; [H20-3.6-07].

b) Hoạt động của thư viện từ 7g00 đến 11g00 và từ 13g00 đến 17g00 mỗi ngày; trong mỗi năm học, thư viện nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động như: Hội thi kể chuyện theo sách, lớn lên cùng sách, giới thiệu sách mới, triển lãm sách hay trong tháng cho học sinh; hoạt động của thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, việc đọc sách của học sinh đạt tỉ lệ khá cao [H16-3.6-02]; [H20-3.6-03]; [H20-3.6-03]; [H20-3.6-04]; [H20-3.6-05].

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H20-3.6-03]; [H20-3.6-05]; [H20-3.6-03]; [H20-3.6-06]; [H20-3.6-07].

Mức 2:

Thư viện nhà trường hằng năm đều được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại từ tiên tiến trở lên [H16-3.2-01].

Mức 3:

Thư viện nhà trường hằng năm đều được đánh giá xếp loại từ tiên tiến trở lên Tuy nhiên, hệ thống máy tính chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và các hoạt động khác [H16-3.2-01]; [H20-3.6-04]; [H20-3.6-02]. [H19-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Thường xuyên tổ chức cho học sinh đọc sách, tham khảo tài liệu hoặc mượn sách thư viện.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có hệ thống máy tính đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và các hoạt động khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đầu tư thêm đầu sách từ nguồn kinh phí hằng năm để phục vụ giáo viên và học sinh, trong những năm tiếp theo nhà trường sẽ đầu tư kinh phí sửa chữa, xây dựng hệ thống máy tính có kết nối internet phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập, phấn đấu đạt chuẩn thư viện xuất sắc cấp thành phố

5. Tự đánh giá: đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Trường có khuôn viên riêng biệt, có hệ thống tường bao quanh, hệ thống cấp thoát nước, nhà vệ sinh sạch sẽ đảm bảo đủ để học sinh, giáo viên yên tâm giảng dạy và học tập.

Nhà trường có đầy đủ khu sân chơi, khu để xe, khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh. Tất cả đều bố trí hợp lý, sạch, đẹp.

Điểm yếu cơ bản

Về khối phòng phục vụ bộ môn, diện tích sân chơi bãi tập, bàn ghế theo quy chuẩn mới và việc tự làm đồ dùng dạy học vẫn còn hạn chế so với yêu cầu phát triển chung của nhà trường, trong thời gian tới nhà trường sẽ tranh thủ mọi nguồn lực để sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, tăng cường cho công tác trang thiết bị dạy học để đưa chất lượng giảng dạy và học tập của nhà trường ngày một đi lên.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để đạt được mục tiêu giáo dục đó là giáo dục toàn diện cho học sinh, đơn vị trường học không thể tách mình ra khỏi mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với môi trường gia đình và xã hội. Có thể nói mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là tác nhân chính trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho học sinh. Mối quan hệ này càng chặt chẽ, hợp tác tốt thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục nhân cách cho các em học sinh tốt hơn. Mối quan hệ này thể hiện qua việc nhà trường phối hợp đồng bộ với Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường trên cơ sở quan điểm thống nhất, đứng đắn cùng nhà trường trong các kế hoạch giảng dạy, học tập và các chương trình hoạt động giáo dục khác cùng biện pháp giáo dục của nhà trường. Mối quan hệ này còn thể hiện ở khía cạnh thông tin hai chiều. Định kỳ qua các phiên họp theo quy định và những trao đổi đột xuất, cha mẹ học sinh được thông tin đầy đủ về tình hình nhà trường, những thuận lợi, những mặt mạnh mà nhà trường đạt được cũng như những khó khăn và tồn tại mà nhà trường cần phải giải quyết. Việc thông tin hai chiều nếu công khai, minh bạch, rõ ràng thì sẽ giúp cho việc quản lý học sinh ở trường và ở nhà thuận lợi, hỗ trợ tốt cho việc giáo dục hoàn thiện nhân cách cho các em một cách thống nhất. Bên cạnh đó, việc kết hợp chặt chẽ với địa phương nơi trường trú đóng cũng là một trong những biện pháp phòng ngừa để các tệ nạn không có điều kiện xâm nhập vào nhà trường, tạo hành lang an toàn khu vực chung quanh khuôn viên trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đối với khu vực trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường được bầu ra từ Ban Đại diện cha mẹ học sinh các lớp. Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện nhiệm vụ và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, nhiệm kỳ của Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường là một năm học; các Ban Đại diện cha mẹ học sinh hết nhiệm kỳ khi bắt đầu năm học tiếp sau, riêng Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp cuối cấp học hết nhiệm kỳ khi kết thúc năm học [H3-1.3-05]; [H21-4.1-01]; [H21-4.1-02]; [H21-4.1-03].

b) Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học, nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để cha mẹ học sinh thực hiện tốt Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh và Đại hội Cha mẹ học sinh đầu năm học đã đề ra [H3-1.3-06].

c) Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ và thực hiện báo cáo các hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh đúng quy định [H3-1.3-06]; [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04].

Mức 2:

Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ. Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn phối hợp tốt với Chi hội Khuyến học và nhà trường xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn, đề xuất cấp học bổng, tư vấn, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp; hỗ trợ, động viên khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện cũng như trong hoạt động ngoại khóa [H3-1.3-06]; [H21-4.1-05].

Mức 3:

Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh, một số thành viên của Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp thường có sự thay đổi theo các năm học, do đó việc nắm bắt các hoạt động chung của nhà trường đôi lúc gặp khó khăn [H3-1.3-06]; [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04]; [H21-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Việc phối hợp giữa nhà trường và Ban Đại diện cha mẹ học sinh sâu sát, chặt chẽ, hiệu quả; luôn đạt sự đồng thuận cao trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, đặc biệt trong việc động viên khen thưởng học sinh giỏi các cấp và phong trào ngoại khóa; tư vấn giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập; hỗ trợ trong công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, và góp phần ngăn chặn việc học sinh bỏ học.

3. Điểm yếu

Việc nắm bắt các hoạt động chung của của nhà trường đôi lúc gặp khó khăn do một số thành viên của Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp thường có sự thay đổi theo các năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các thành viên mới trong Ban đại diện Cha mẹ học sinh kịp thời nắm bắt các chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện, của nhà trường qua các năm học trước, nhằm duy trì được sự kế thừa, ổn định và hiệu quả trong hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trên cơ sở lãnh đạo của Đảng thông qua Nghị quyết của Chi bộ, Đảng ủy và chính quyền phường Tân Thới Nhất, cùng với yêu cầu mục tiêu giáo dục của ngành, Hiệu trưởng chủ động tham mưu để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để đề ra kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H22-4.2-01].

b) Qua các buổi họp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh, toàn thể Cha mẹ học sinh, giao ban Bí thư chi bộ tại Đảng ủy Phường Tân Thới Nhất, ... Hiệu trưởng thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-06]; [H21-4.1-04].

c) Nhà trường thực hiện việc huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định nhằm hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường như cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó (khoảng 80 suất học bổng mỗi năm), vận động mạnh thường quân trao tặng quà

cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn đón Tết, động viên khen thưởng những học sinh giỏi cuối năm học, học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố, kỳ thi Olympic, các hoạt động thể thao, văn nghệ, Đoàn – Đội [H3-1.3-06]; [H21-4.1-04].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H22-4.2-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phối hợp các tổ chức, đoàn thể, giáo viên thực hiện giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương; giáo dục văn hóa, đạo đức, pháp luật,... thông qua lồng ghép tích hợp trong các môn học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp và tham quan ngoại khóa tìm hiểu các khu di tích lịch sử, cách mạng như: Di tích Rạch Gầm Xoài Mút, Đền thờ nữ tướng Nguyễn Thị Định,... Tổ chức việc chăm sóc di tích lịch sử cách mạng (Đài tưởng niệm liệt sĩ quận, Địa đạo Phú Thọ Hoà), chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương,... [H3-1.3-09]; [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02]; [H22-4.2-04].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, chính quyền phường Tân Thới Nhất thực hiện tốt việc kiểm kê, rà soát công tác phổ cập giáo dục; thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống, văn hóa, lịch sử địa phương; phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống dịch bệnh, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên; thường xuyên phối hợp phường Tân Thới Nhất, phòng Tư pháp và Hội Luật gia quận tổ chức phiên tòa giả định nhằm giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh nhưng chưa có kế hoạch tham mưu cụ thể để xây dựng

trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02]; [H22-4.2-04];

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, nhà trường thực hiện tốt việc phối hợp các tổ chức, đoàn thể, giáo viên thực hiện giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương; giáo dục văn hóa, đạo đức, pháp luật, ... mỗi năm nhà trường vận động được khoảng 80 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với Đảng ủy, chính quyền phường Tân Sơn Nhất cụ thể để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu với Đảng ủy, chính quyền phường Tân Thới Nhất cụ thể để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tốt, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là Ban Đại diện cha mẹ học sinh và huy động được sự tham gia của cộng đồng trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch giáo dục từ đó đã phát huy tốt truyền thống của nhà trường, của địa phương.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa mạnh dạn tham mưu với Đảng ủy, chính quyền phường Tân Thới Nhất để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Hằng năm, nhà trường đều nghiên cứu kỹ chỉ thị năm học, phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm học và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và đã triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, có chất lượng đối với tất cả các hoạt động theo quy định, từ kế hoạch giảng dạy, học tập đến kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục của nhà trường cho đúng hướng. Ngoài hoạt động dạy và học theo chương trình chính khóa do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, nhà trường còn tiến hành các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cả phần bắt buộc và phần tự chọn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà

trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng, nội dung yêu cầu chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khung kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành và công văn hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04]; [H8-1.8-03].

b) Nhà trường khuyến khích giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào bài giảng như: dạy học theo dự án, nghiên cứu bài học, bàn tay nặn bột, phương pháp dạy học theo định hướng giáo dục STEM...;

tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03]; [H8-1.8-03].

c) Việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá cũng được nhà trường quan tâm thực hiện đồng thời giáo viên luôn làm đa dạng các hình thức kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan và hiệu quả; hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân thông qua các giờ thuyết trình, ôn tập, thực hành [H1.1.1.04]; [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03]; [H8-1.8-03].

Mức 2:

a) Nhà trường nghiêm túc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra, các tổ nhóm chuyên môn đã thống nhất việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh trong các buổi sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn [H1-1.1.04]; [H1-1.1-05]; [H4-1.4-03]; [H8-1.8-03].

b) Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra chọn học sinh có năng khiếu ở từng môn, tiếp tục bồi dưỡng các em tham gia các kì kiểm tra học sinh giỏi cấp quận và Thành phố, đối với những em học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, nhà trường luôn quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho các em tham gia các hoạt động học tập và vui chơi vừa sức, có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu trong mỗi học kì [H1-1.1-05]; [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02].

Mức 3:

Hằng năm, Cán bộ quản lý và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh thông qua việc quan sát, dự giờ, báo cáo của tổ, nhóm chuyên môn, công tác kiểm tra nội bộ, công tác giám sát, đánh giá, rút

kinh nghiệm dựa trên tinh thần, thái độ, chất lượng giảng dạy, kết quả tham gia các hội thi giáo viên giỏi, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu... tuy nhiên chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh đạt hiệu quả chưa cao, việc sinh hoạt chuyên môn trên trang trường học kết nối chưa đạt hiệu quả cao [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H23-5.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình giáo dục đúng theo quy định; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và hướng dẫn học sinh phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện khả năng tự học trong học tập.

Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào bài giảng như: dạy học theo dự án, nghiên cứu bài học, bàn tay nặn bột, phương pháp dạy học theo định hướng giáo dục STEM...

3. Điểm yếu

Sinh hoạt chuyên môn trên trang Trường học kết nối chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá, áp dụng vào công tác giảng dạy đồng thời khai thác bài giảng với trang Trường học kết nối đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường rà soát lập danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn nghèo và cận nghèo để nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí, hỗ trợ tập vở, trang phục, phát học bổng (bình quân 70 suất/ năm), quà Tết Trung Thu và quà Tết Nguyên Đán để các em an tâm học tập. Cán bộ quản lý cùng giáo viên bộ môn rà soát và chọn những học sinh

giỏi có năng khiếu để bồi dưỡng nhằm tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi thi cấp quận và thành phố, việc giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường chú ý qua việc tổ chức phụ đạo, giúp đỡ các em vươn lên trong học tập [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02]; [H24-5.2-01]; [H24-5.2-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó hỗ trợ, khen thưởng học sinh [H1-1.1-06]; [H14-2.4-02]; [H24-5.2-03]; [H24-5.2-04].

Mức 2:

Trong từng năm học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều được nhà trường quan tâm, có chế độ theo dõi, hỗ trợ khắc phục những khó khăn mà các em gặp phải, đa số các em đáp ứng được các mục tiêu theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-06]; [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02]; [H24-5.2-04].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố, thể dục thể thao, số lượng học sinh giỏi cấp thành phố qua các năm chưa cao so với một số trường trong quận [H14-2.4-02].

2. Điểm mạnh:

Hằng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải cao trong hội thi học sinh giỏi, thể dục thể thao.

3. Điểm yếu:

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố qua các năm chưa cao so với một số trường trong quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo nhà trường sẽ tổ chức dạy phụ đạo chặt chẽ hơn, sắp xếp thời khóa biểu hợp lý cho giáo viên, bố trí phòng học đủ để giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu kém.

Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức báo cáo các chuyên đề về bồi dưỡng học sinh giỏi, tăng cường phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương cho tổ bộ môn (Lịch sử ,Ngữ văn...),

lên kế hoạch cụ thể lồng ghép truyền thống địa phương trong các tiết dạy, tạo hứng thú và động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học, qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, tổ chức kiểm tra việc học lịch sử địa phương của học sinh và cho các em viết thu hoạch sau khi tìm hiểu, để học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02]; [H25-5.3-03].

c) Hoạt động giáo dục địa phương đã được nhà trường triển khai thực hiện, hằng năm Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bộ môn rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội địa phương [H8-1.8-03]; [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học, việc tổ chức rà soát đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thực hiện nhiều, chủ yếu ở các bộ môn Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân. Việc biên soạn, tìm tư liệu, thiết kế bài giảng về giáo dục địa phương ở một số giáo viên đôi lúc còn thiếu tính chủ động, sáng tạo. [H22-4.2-02]; [H22-4.2-04]; [H25-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp thuộc địa bàn Quận 12 là địa phương giàu truyền thống lịch sử cách mạng nên thuận lợi cho việc thực hiện giáo dục địa phương, nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn

liền với thực tế phường Tân Thới Nhất.

3. Điểm yếu

Việc biên soạn, tìm tư liệu, thiết kế bài giảng về giáo dục địa phương ở một số giáo viên đôi lúc còn thiếu tính chủ động, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn tăng cường sưu tầm nhiều hình ảnh, tư liệu về nội dung giáo dục địa phương; hướng dẫn nhân viên thư viện chủ động cập nhật, bổ sung tư liệu địa phương cho thư viện, đầu tư biện pháp thu hút học sinh tìm đọc, nghiên cứu, tìm hiểu và học tập; khuyến khích giáo viên hướng dẫn học sinh học và nghiên cứu lịch sử tại các khu di tích, bảo tàng của quận và các vùng lân cận.

Phó hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch cá nhân lồng ghép hoạt động giáo dục địa phương có cập nhật các biến đổi địa phương, tiếp tục thay đổi phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh và đánh giá học sinh theo năng lực, các tổ nhóm chuyên môn tiếp tục xây dựng nhiều chuyên đề gắn với thực tiễn cuộc sống cho học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào đầu mỗi năm học theo quy định và điều kiện của nhà trường [H22-4.2-02]; [H26-5.4-02]. Tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề của tổ trong mỗi năm học [H22-4.2-02]; [H26-5.4-02].

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức đúng kế hoạch; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 ở các trường Trung cấp nghề, liên kết phối hợp với các trường Trung học phổ thông công lập và tư thục để tư vấn và hướng nghiệp với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9. [H21-4.1-04]; [H26-5.4-02].

c) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được sự tham gia của các lực lượng giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H26-5.4-01]; [H26-5.4-02]. Đầu năm học, nhà trường lên kế hoạch phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên môn Công nghệ thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh [H26-5.4-01]; [H26-5.4-02].

Mức 2:

a) Hình thức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp của nhà trường chưa phong phú và đa dạng [H22-4.2-02]; [H26-5.4-01]; [H26-5.4-02].

b) Hàng năm, nhà trường rà soát đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sao cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Học sinh của trường được tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngoài ra trường còn thực hiện đầy đủ các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, góp phần làm cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

Trường thực hiện hướng nghiệp dạy nghề theo đúng quy định đáp ứng nguyện vọng học sinh.

3. Điểm yếu:

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp lồng ghép nội dung phong phú, đa dạng, tiếp tục chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc hướng nghiệp, dạy và học nghề; tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm đa dạng, thu hút 100% tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức: tổ chức các chuyên đề, hội thi, lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá, việc giáo dục về kỹ năng sống được giáo viên lồng ghép vào nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Sinh học, Địa lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, Thể dục; thông qua các hoạt động thảo luận theo nhóm, thuyết trình, các trò chơi đố vui trong học tập, ngoài ra còn được lồng ghép vào các chuyên đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp như tổ chức chuyên đề “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”, chuyên đề các bộ môn Sinh học, Địa lý, Giáo dục công dân, từ năm học 2016 – 2017 đến nay, nhà trường đưa giáo dục kỹ năng sống vào giảng dạy chính khóa ở các lớp 6, 7 [H27-5.5-01]; [H27-5.5-02]; [H27-5.5-03].

b) Thông qua các hoạt động tuyên truyền và giáo dục kỹ năng sống, khả năng rèn luyện, tích lũy các kỹ năng, xử lý các tình huống, khả năng giao tiếp, ứng xử và tổ chức các hoạt động, học sinh đã có chuyển biến tích cực [H27-5.5-02]; [H27-5.5-03].

c) Hằng năm, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trên trung bình đạt 100%,

chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 – 2020, nhà trường không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu phải rèn luyện trong hè [H5-1.5-02]; [H27-5.5-01]; [H28-5.6-01].

Mức 2:

a) Từng bước hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, biết so sánh kết quả học tập của mình qua từng giai đoạn, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để có trách nhiệm với bản thân; một số học sinh vẫn chưa có ý thức học tập, ỷ lại nên kết quả học tập chưa cao [H5-1.5-02]; [H27-5.5-01]; [H27-5.5-03]; [H28-5.6-01].

b) Học sinh bước đầu vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn, nghiên cứu ứng dụng chế tạo Robot đạt kết quả cao trong các kỳ thi, hội thi [H14-2.4-02]; [H27-5.5-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và phát động tham gia cuộc thi ứng dụng STEM, khéo tay kỹ thuật ở các bộ môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ, bước đầu giúp học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên. Tuy nhiên, sản phẩm ứng dụng STEM của học sinh còn chưa đa dạng, phong phú; học sinh chưa có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ [H8-1.8-03]; [H27-5.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, các hội thi để học sinh tham gia nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

Công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được cán bộ quản lý nhà trường quan tâm và chú trọng đầu tư, các hoạt động trong nhà trường đã tạo

được sự đồng thuận và sự phối hợp của cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể và đạt được hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Các sản phẩm ứng dụng STEM của học sinh còn chưa đa dạng, phong phú còn chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực khoa học tự nhiên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chú trọng chỉ đạo công tác bồi dưỡng giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; tiếp tục đưa nội dung nghiên cứu khoa học vào trong kế hoạch năm học ở tất cả các bộ môn; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên và học sinh tích cực tham gia các cuộc thi học sinh nghiên cứu khoa học và các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo do trường và ngành tổ chức.

5. Tự đánh giá: đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

*Mức 3:**a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt

ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực cuối năm từ trung bình trở lên qua các năm đạt 94,5%; tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trên trung bình đạt 100% [H1-1.1-06]; [H28-5.6-01]; [H28-5.6-02]; [H28-5.6-03].

b) Hằng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, tỷ lệ học sinh lên lớp qua các năm bình quân đạt 94,5%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở 100% [H28-5.6-01]; [H28-5.6-02]; [H28-5.6-03].

c) Nhà trường phối hợp với trường Trung cấp nghề Quận 12; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện tốt công tác tư vấn, phân luồng cho học sinh, nhà trường luôn đổi mới phương thức định hướng phân luồng phù hợp với đối tượng học sinh từng năm; sau tốt nghiệp trung học cơ sở, các em đều tham gia học trường trung học phổ thông hoặc học nghề tại các trung tâm đảm bảo yêu cầu thực tế và mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H26-5.4-02].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực.

Năm học	Học lực từ Trung bình trở lên	Hạnh kiểm khá, tốt
	Tỉ lệ%	Tỉ lệ%
2015 - 2016	90,7%	100%
2016 - 2017	91,8%	99,97%
2017 - 2018	92,1%	100%
2018 - 2019	92,9%	100%
2019 - 2020	94,5%	100%

b) Từ năm 2015 - 2016 đến năm 2019 - 2020, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học cơ sở có chuyển biến tích cực:

Năm học	Lên lớp	Tốt nghiệp
	Tỉ lệ%	Tỉ lệ%
2015 - 2016	93,71%	100%
2016 - 2017	94,74%	100%
2017 - 2018	97,44%	100%
2018 - 2019	94,81%	100%

2019 - 2020	97,96%	100%
-------------	--------	------

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Năm học	Tỷ lệ học sinh giỏi	Tỷ lệ học sinh khá	tỷ lệ học sinh yếu kém	Hạnh kiểm khá, tốt
2015 - 2016	32,20%	38,79%	9,3%	100%
2016 - 2017	34,6%	36,9%	8,2%	99,97%
2017 - 2018	29,94%	37,03%	7,9%	100%
2018 - 2019	31,07%	36,50%	7,1%	100%
2019 - 2020	39,82%	37,05%	5,5%	100%

a) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Năm học	Lưu ban	Bỏ học
	Ti lệ%	Ti lệ%
2015 - 2016	00%	1,35%
2016 - 2017	2,85%	1,3%
2017 - 2018	2,64%	0,08%
2018 - 2019	2,48%	0,6%

2019 - 2020	2,40%	0,65%
-------------	-------	-------

- Năm học 2015 – 2016: tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm 0,3%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ 2,90 %.

- Năm học 2016 – 2017: tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm 1,3%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ 2,85%.

- Năm học 2017 – 2018: tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm 0,08%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ 2,64%.

- Năm học 2018 – 2019: tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm 0,6%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ 2,48%.

- Năm học 2019 – 2020: tỷ lệ học sinh bỏ học chiếm 0,65%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ 2,40% [H28-5.6-01]; [H28-5.6-02]; [H28-5.6-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ, giáo viên của trường có kinh nghiệm, yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao nhiệt tình giảng dạy và hết lòng vì học sinh.

Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh hàng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá và tốt đạt trên 99%.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

3. Điểm yếu:

Tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học chưa được kéo giảm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ bộ môn tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng phương pháp dạy học theo cá thể nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh khá, giỏi; giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém của nhà trường; tiếp tục giữ vững và phát huy tỷ lệ học

sinh giỏi đã đạt được; vận động, tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác, tạo điều kiện của phụ huynh học sinh trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu cũng như các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Giáo viên thường xuyên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào bài giảng như: dạy học theo dự án, nghiên cứu bài học, bàn tay nặn bột, phương pháp dạy học theo định hướng giáo dục STEM.

Học sinh của trường được tham gia nhiều ngày hội, chuyên đề tư vấn hướng nghiệp làm cơ sở để thực hiện tốt công tác tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, các hội thi để học sinh tham gia nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ học sinh lưu ban còn nhiều so với mặt bằng chung của Thành phố.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Phần III.

KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp tự đánh giá đạt được những kết quả như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỉ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 tỉ lệ: 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 22/28 tỉ lệ: 79%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 06/28 tỉ lệ: 21%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 08/28 tỉ lệ: 29%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 20/28 tỉ lệ: 71%
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp:
Mức 1;
- Trường Trung học cơ sở Nguyễn Vĩnh Nghiệp đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Quận 12, ngày 28 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Hữu Đức

PHẦN IV
PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2015 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Sở nghị quyết của Hội đồng trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký Hội đồng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Trang thông tin điện tử của nhà trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên công nghệ thông tin	Trang Website của

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
						trường
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch giáo dục	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Sổ tổ, nhóm chuyên môn	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Văn thư
	6	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.2	1	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Văn thư
	2	[H2-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật; Hội	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			đồng Tư vấn về chuyên môn, quản lý nhà trường. Hội đồng tuyển sinh lớp 6, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở, Hội đồng chấm sáng kiến, Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi.			
	3	[H2-1.2-03]	Quyết định thành lập những Hội đồng khác: Hội đồng tuyển sinh lớp 6, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở,	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			Hội đồng chấm sáng kiến			
	4	[H2-1.2-04]	Hồ sơ thi đua	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Chủ tịch Công đoàn	Văn thư
Tiêu chí 1.3	1	[H3-1.3-01]	Quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở	Nhiệm kỳ 2017 – 2022	Liên đoàn lao động Quận 12	Phòng Công đoàn
	2	[H3-1.3-02]	Quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Chi đoàn.	Nhiệm kỳ 2019 – 2020	Ban chấp hành Đoàn phường Tân Thới Nhất	Phòng Đoàn -Đội
	3	[H3-1.3-03]	Quyết định chuẩn y Liên	Từ năm học 2015 – 2016	Hội đồng đội	Phòng Đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			đội, Biên bản Đại hội Liên đội trường	đến năm học 2019 – 2020	Quận 12	-Đội
	4	[H3-1.3-04]	Quyết định thành lập Chi hội Chữ thập đỏ, Kế hoạch hoạt động của Chi hội Chữ thập đỏ, báo cáo hoạt động của Chi hội Chữ thập đỏ	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hội chữ thập đỏ Quận 12	Phòng Y tế
	5	[H3-1.3-05]	Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học, Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	6	[H3-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Chi hội Khuyến học, Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Trưởng Ban Khuyến học, trưởng Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H3-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn, các văn bản liên quan hoạt động của Công đoàn, hình ảnh hoạt động của Công đoàn, sổ họp Công đoàn.	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	8	[H3-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của	Từ năm học 2015 – 2016	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			Chi đoàn, các văn bản liên quan hoạt động của Chi đoàn, hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, sổ họp Chi đoàn	đến năm học 2019 – 2020		– Đoàn
	9	[H3-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội, các văn bản liên quan hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, hình ảnh hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sổ	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			họp Liên đội			
	10	[H3-1.3-10]	Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách	Phòng Đoàn – Đội
	11	[H3-1.3-11]	Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ Đảng, danh sách đảng viên, sổ nghị quyết Chi bộ, các báo cáo, văn bản, nghị quyết của Chi bộ, các quyết định khen thưởng	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
Tiêu chí 1.4	1	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng: năm 2014, 2019 Phó hiệu trưởng: năm 2015, 2020 Phó hiệu trưởng năm 2014, 2019	Ủy ban Nhân dân Quận 12	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H4-1.4-03]	Các chuyên đề chuyên môn	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	4	[H4-1.4-04]	Biên bản đánh giá xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký hội đồng	Văn thư
Tiêu chí 1.5	1	[H5-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Văn thư	Văn thư
	2	[H5-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
	3	[H5-1.5-03]	Sổ gọi tên và ghi điểm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
Tiêu chí 1.6	1	[H6-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu	Từ năm học 2015 – 2016	Văn thư	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			trữ các văn bản, công văn đi, đến	đến năm học 2019 – 2020		
	2	[H6-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục của kế toán	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	3	[H6-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H6-1.6-04]	Dự toán ngân sách hằng năm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	5	[H6-1.6-05]	Biên bản tự kiểm tra tài chính của đơn vị	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	6	[H6-1.6-06]	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phòng tài chính Quận 12	Nhân viên kế toán
	7	[H6-1.6-07]	Báo cáo tài chính định kỳ	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	8	[H6-1.6-08]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	9	[H6-1.6-09]	Các tờ trình, văn bản đề nghị của nhà trường đối với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			nhà trường, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường			
Tiêu chí 1.7	1	[H7-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H7-1.7-02]	Kế hoạch năm học	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	3	[H7-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm, đề án vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H7-1.7-04]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	5	[H7-1.7-05]	Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký Hội đồng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
Tiêu chí 1.8	1	[H8-1.8-01]	Thời khóa biểu	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H8-1.8-02]	Sổ ghi đầu bài	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Giáo viên	Văn thư
	3	[H8-1.8-03]	Kế hoạch tổ, nhóm chuyên môn	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
	4	[H8-1.8-05]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H9-1.9-01]	Báo cáo của Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	2	[H9-1.9-02]	Quy chế dân chủ, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn chủ
Tiêu chí 1.10	1	[H10-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học. Phương án về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			tệ nạn xã hội			
	2	[H10-1.10-02]	Hình ảnh tọa đàm với học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên văn thư	Nhân viên công nghệ thông tin
	3	[H10-1.10-03]	Kiểm tra nguồn nước	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	4	[H10-1.10-04]	Hợp đồng nước uống	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Nhân viên kế toán
	5	[H10-1.10-05]	Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	6	[H10-1.10-06]	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy Diễn tập phòng cháy chữa cháy	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Bảo vệ	Văn thư
	7	[H10-1.10-07]	Kế hoạch liên tịch với công an phường nhằm đảm bảo trật tự trước cổng trường, đảm bảo an toàn cho giáo viên, học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.1	1	[H11-2.1-01]	Phiếu đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			hàng năm		12	
	2	[H11-2.1-02]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Trường đào tạo	Văn thư
	3	[H11-2.1-03]	Biên bản lấy phiếu tín nhiệm của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của cán bộ quản lý	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký hội đồng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H11-2.1-04]	Kết quả đánh giá viên chức hàng năm (Dành	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			cho cán bộ quản lý)		hội đồng	
Tiêu chí 2.2	1	[H12-2.2-01]	Thông tin về trình độ đào tạo của giáo viên	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H12-2.2-02]	Kết quả đánh giá viên chức hằng năm; kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H12-2.2-03]	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Ủy ban Nhân dân Quận 12	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			của cấp có thẩm quyền			
Tiêu chí 2.3	1	[H13-2.3-01]	Thông tin về trình độ đào tạo của nhân viên	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Văn thư	Văn thư
	2	[H13-2.3-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hằng năm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H13-2.3-03]	Kết quả đánh giá xếp loại nhân viên hằng năm	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H14-2.4-01]	Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H14-2.4-02]	Quyết định khen thưởng	Từ năm học 2015 – 2016	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	đến năm học 2019 – 2020		
Tiêu chí 3.1	1	[H15-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường	Năm 2016	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư
	2	[H15-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm 2016	Ủy ban Nhân dân Quận 12	Văn thư
	3	[H15-3.1-03]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường	Năm 2016	Ủy ban Nhân dân Quận 12	Văn thư
	4	[H15-3.1-04]	Ảnh khuôn viên trường,	Từ năm học 2017 – 2018	Phó Hiệu	Nhân viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			phòng học, phòng chức năng	đến năm học 2019 – 2020	trưởng	công nghệ thông tin
Tiêu chí 3.2	1	[H16-3.2-01]	Hồ sơ công nhận Thư viện đạt chuẩn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 3.3	1	[H17-3.3-01]	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Văn thư
Tiêu chí 3.4	1	[H18-3.4-01]	Các biên bản kiểm tra của cơ quan y tế	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	2	[H18-3.4-02]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	3	[H18-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H18-3.4-04]	Hóa đơn thu tiền nước hằng tháng	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H19-3.5-01]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục của nhân viên thiết bị	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	2	[H19-3.5-02]	Biên bản kiểm tra tài sản, thiết bị giáo dục	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	3	[H19-3.5-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	4	[H19-3.5-04]	Biên bản sửa chữa và thanh lý các thiết bị hư hỏng	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	5	[H19-3.5-05]	Sổ sách chứng từ, hóa đơn chi cho sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học của trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	6	[H19-3.5-06]	Hợp đồng kết nối mạng	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	7	[H19-3.5-07]	Hóa đơn thanh toán tiền	Từ năm học 2015 – 2016	Nhân viên	Nhân viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			Internet của trường	đến năm học 2019 – 2020	kế toán	kế toán
	8	[H19-3.5-08]	Sổ mượn đồ dùng dạy học	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H20-3.6-01]	Sổ quản lý thư viện	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	2	[H20-3.6-02]	Danh mục các loại sách báo, tài liệu ... của thư viện	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	3	[H20-3.6-03]	Kế hoạch hoạt động của Thư viện	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	4	[H20-3.6-04]	Sổ theo dõi việc cho	Từ năm học 2015 – 2016	Nhân viên	Nhân viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			mượn sách	đến năm học 2019 – 2020	thư viện	thư viện
	5	[H20- 3.6-05]	Hình ảnh hoạt động của thư viện	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	6	[H20-3.6-06]	Danh mục các loại sách báo, tài liệu được mua sắm, bổ sung hằng năm.	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	7	[H20-3.6-07]	Biên bản kiểm tra thư viện	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H21-4.1-01]	Hồ sơ Hội nghị Cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H21-4.1-02]	Danh sách Ban Đại diện	Từ năm học 2015 – 2016	Thư ký	Phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			Cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường	đến năm học 2019 – 2020	Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	3	[H21-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Trưởng Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường	
	4	[H21-4.1-04]	Biên bản họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Thư ký Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H21-4.1-05]	Văn bản liên quan huy động nguồn lực hợp pháp và vận động học	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			sinh bỏ học đến trường			
Tiêu chí 4.2	1	[H22-4.2-01]	Các văn bản phối hợp của nhà trường với địa phương	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H22-4.2-02]	Kế hoạch hoạt động ngoại khóa	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H22-4.2-03]	Quyết định công nhận trường đạt đơn vị văn hóa	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Ủy ban Nhân dân quận Tân Phú	Văn thư
	4	[H22-4.2-04]	Hình ảnh hoạt động ngoại khóa	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên công nghệ thông tin	Nhân viên công nghệ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
						thông tin
Tiêu chí 5.1	1	[H23-5.1-01]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H23- 5.1-02]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H23-5.1-03]	Hồ sơ sáng kiến, báo cáo chuyên đề.	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H24- 5.2-01]	Kế hoạch miễn giảm học phí và các khoản thu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	2	[H24- 5.2-02]	Danh sách miễn, giảm học phí và các khoản thu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H24-5.2-03]	Sổ kế hoạch giáo dục của học sinh hòa nhập	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H24-5.2-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác hòa nhập	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 5.3	1	[H25-5.3-01]	Hình ảnh tiết dạy chương trình địa phương của các bộ môn.	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên công nghệ thông tin	Nhân viên công nghệ thông tin

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
	2	[H25- 5.3-02]	Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương từng môn học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Văn thư
	3	[H25-5.3-03]	Hồ sơ lưu đề kiểm tra	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Tổ trưởng chuyên môn	Văn thư
Tiêu chí 5.4	1	[H26- 5.4-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H26- 5.4-02]	Kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng; hồ sơ học	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			nghề			
Tiêu chí 5.5	1	[H27-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2019 – 2020	Giáo viên	Văn thư
	2	[H27-5.5-02]	Hình ảnh, tư liệu về hoạt động ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên công nghệ thông tin	Nhân viên công nghệ thông tin
	4	[H27- 5.5-03]	Các hình ảnh, tư liệu liên quan đến các hội thi, chuyên đề	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020	Nhân viên công nghệ thông tin	Nhân viên công nghệ thông tin
Tiêu chí 5.6	1	[H28-5.6-01]	Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp, ở lại, kiểm tra	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi/cá nhân lưu trữ)
			lại			
	2	[H28-5.6-02]	Hồ sơ xét duyệt tốt nghiệp trung học cơ sở	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H28- 5.6-03]	Thống kê tình hình học sinh bỏ học, lưu ban	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H28- 5.6-04]	Hồ sơ kiểm tra lại	Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020	Phó hiệu trưởng	Văn thư